



**CARE, NUTRITION, AND ROUNDATION PROCESS DISEASE
TREATMENT IN RI LAI CHICKEN AT NGUYEN QUANG CHINH,
TRUNG MON COMMUNE, YEN SON DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE**

Nguyen Thi Hong Van^{1,*}

¹Tan Trao University, Vietnam

*Email address: hongvan90tq@gmail.com

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/471>

Article info

Received: 27/3/2021

Accepted: 05/7/2021

Keywords:

*Crossbred Ri chicken,
growth , nurturing,
prevention and treatment*

Abstract:

This process is carried out on the chicken farm of Nguyen Quang Chinh household, Trung Mon commune, Yen Son district, Tuyen Quang province. Research results have shown that the survival rate of Crossbred Ri chicken is quite high, with good adaptability to local natural conditions. Body weight of Crossbred Ri chicken at birth was 33.03g/head; at 3 weeks old is 223.87 g/head, at 15 weeks old is 1807.62g/head. The average absolute growth rate for the whole period was 16.90 (g/head/day), relative growth was 26.09 (g/head/day). In the process of raising chickens infected with E.coli, coccidiosis, CRD, the highest rate of chickens infected with coccidiosis was 1.73%. When chickens are sick, use the drug after 5 days of symptoms of the disease in the chickens.



QUY TRÌNH CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG, PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH TRÊN ĐÀN GÀ RI LAI TẠI TRẠI NGUYỄN QUANG CHÍNH, XÃ TRUNG MÔN, HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Thị Hồng Vân^{1,*}

¹Trường Đại học Tân Trào, Việt Nam

*Địa chỉ email: hongvan90tq@gmail.com

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/471>

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài: 27/3/2021

Ngày duyệt đăng: 05/7/2021

Từ khóa:

Gà Ri Lai, sinh trưởng, dinh dưỡng, phòng và trị bệnh.

Tóm tắt

Quy trình này được thực hiện trên trại gà của hộ dân Nguyễn Quang Chính, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng tỷ lệ nuôi sống gà Ri Lai khá cao, có khả năng thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên của địa phương. Khối lượng cơ thể gà Ri Lai lúc sơ sinh là 33,03g/con; 3 tuần tuổi là 223,87 g, 15 tuần tuổi là 1807,62g/con. Khả năng sinh trưởng tuyệt đối trung bình cả giai đoạn là 16,90 (g/con/ngày), sinh trưởng tương đối là 26,09 (g/con/ngày). Trong quá trình nuôi gà mắc bệnh *E.coli*, cầu trùng, CRD tỷ lệ gà mắc bệnh cầu trùng cao nhất 1,73 %. Gà bị bệnh dùng thuốc sau 5 ngày biểu hiện của bệnh trên đàn gà hết.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, ngành chăn nuôi nước ta đã có những bước phát triển đáng kể cả về số lượng cũng như chất lượng, đặc biệt là chăn nuôi gia cầm do nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng cao. Ước tính tổng số gia cầm của cả nước tháng 12 năm 2019 tăng 14,2 % so với cùng thời điểm năm 2018; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng cả năm ước đạt 1278,6 nghìn tấn, tăng 16,5% so với năm 2018; sản lượng trứng gia cầm cả năm ước đạt 13,3 tỷ quả, tăng 14,0% (Nguồn chăn nuôi Việt Nam, 2020) [5].

Khác hẳn với các ngành chăn nuôi khác, ngành chăn nuôi gia cầm của nước ta luôn được thị trường nội địa ưu ái nhờ những đặc trưng riêng của từng giống gà, hiện nay gà Ri Lai là giống gà được người chăn nuôi lựa chọn, đây là giống gà tạo ra từ

con lai giữa gà trống Ri với gà mái Lương Phượng, gà có sức đề kháng cao, ít bệnh tật, thời gian tăng trưởng ngắn, thịt thơm ngon phù hợp với nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng. Để đem lại hiệu quả cao trong chăn nuôi đòi hỏi phải có kỹ thuật thật tốt từ khâu vệ sinh chuồng trại, chọn con giống cho đến công tác chăm sóc nuôi dưỡng và phòng trị bệnh.

2. Vật liệu, phương pháp nghiên cứu

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Nghiên cứu trên gà Ri Lai (trống Ri x mái Lương Phượng) nuôi thả vườn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu và các chỉ tiêu theo dõi

2.2.1. Phương pháp theo dõi, thu thập thông tin

- Cập nhật thông tin thông qua sổ sách của trại

- Trực tiếp thực hiện đầy đủ qui trình chăm sóc, nuôi dưỡng đàn gà

- Hàng tuần cân gà vào sáng sớm trước khi cho ăn. Cân mẫu từ 3 - 5 % tối thiểu 50 con trước khi cân quây độn gà vào và bắt ngẫu nhiên cân từng con tính giá trị trung bình (Trần Thanh Vân, 2015) [4].

- Quan sát trực tiếp đàn gà hằng ngày

- Theo dõi tình hình mắc bệnh để kịp thời xử lý và điều trị bệnh. Theo dõi, ghi chép số liệu chính xác.

2.2.1. Các chỉ tiêu theo dõi

* Tỷ lệ nuôi sống của gà qua các tuần tuổi

$$\text{Tỷ lệ nuôi sống (\%)} = \frac{\sum \text{số gà cuối kỳ (con)}}{\sum \text{số gà đầu kỳ (con)}} \times 100$$

* Khả năng sinh trưởng của gà

Sinh trưởng tích lũy (g/con): Cân gà trước khi đưa gà vào thí nghiệm, sau đó tiến hành cân gà hàng tuần vào buổi sáng thứ 5 trước khi cho ăn.

* Theo dõi tình hình mắc bệnh của gà

$$\text{Tỷ lệ nhiễm bệnh (\%)} = \frac{\sum \text{số gà nhiễm bệnh (con)}}{\sum \text{số gà theo dõi (con)}} \times 100$$

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu thu thập được xử lý theo phần mềm Microsoft Office Excel.

3.1.1. Công tác vệ sinh phòng bệnh

Việc vệ sinh chuồng trại và môi trường xung quanh trang trại là việc làm cần thiết và thường xuyên để ngăn chặn hạn chế những tác động xấu nhất từ môi trường bên trong cũng như bên ngoài chuồng nuôi.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Công tác phòng bệnh cho gà

Bảng 3.1. Lịch vệ sinh sát trùng chuồng trại

Nội dung công việc	Số lần thực hiện (lần/tuần)	Tổng số lần thực hiện trong 6 tháng
Vệ sinh quét dọn chuồng trại	7	168
Vệ sinh máng ăn, máng uống	14	308
Sát trùng trước khi vào trại	7	168
Đào trấu, thêm trấu	1	20
Phun sát trùng định kỳ xung quanh chuồng trại	1	22
Rắc vôi và quét đường đi	1	22

Công tác vệ sinh phòng bệnh cho gà có vai trò quan trọng quyết định đến sự thành công hay thất bại của chăn nuôi gà. Nếu thực hiện tốt công tác phòng bệnh cho gà sẽ hạn chế dịch bệnh xảy ra và lây lan, đồng thời quyết định thành công của chăn nuôi gà (Lê Văn Năm, 2004) [2].

3.1.2. Phòng bệnh bằng vắc xin

Trong quá trình chăn nuôi thường xuyên tiêm phòng vắc xin cho đàn gia cầm chủ động để đảm bảo an toàn dịch bệnh. Trước khi sử dụng vắc xin không pha thuốc kháng sinh vào nước uống trong 12 giờ, pha vắc xin phải đúng theo tỷ lệ quy định. Lịch phòng và sử dụng các loại vắc xin cho đàn gà như sau:

Ngày tuổi	Loại vắc xin	Phòng bệnh	Cách dùng và liều lượng	Tổng số gà được tiêm phòng (con)	Độ an toàn (%)
3	Livacox-T	Cầu trùng	Nhỏ miệng 1 giọt	1196	100
5	Gumboro 228E	Gumboro	Nhỏ miệng 1 giọt	1193	100
7	- Lasota - Đậu gà	- Newcastle - Đậu gà	- Nhỏ mắt 1 giọt - Chủng cánh	1193	100
14	Gumboro 228E	Gumboro	Nhỏ miệng	1178	100
18	- Lasota - Đậu gà	- Newcastle - Đậu gà	- Nhỏ mắt - Chủng cánh	1176	100
24	ILT	Viêm thanh khí quản truyền nhiễm	Pha ILT với nước sạch	1175	100
42	Clone 45	Newcastle	Tiêm dưới da cổ 0.25 ml	1159	100

Việc phòng bệnh cho gà bằng vắc-xin đã diễn ra thuận lợi an toàn tuyệt đối (tỉ lệ đạt 100% qua các lần). Trong tổng số các đợt phòng bệnh thì không có con gà nào bị phản ứng phụ với vắc xin, và làm chết gà.

3.2. Kết quả nghiên cứu của chuyên đề

3.2.1. Tỷ lệ nuôi sống của gà

Bảng 3.3. Tỷ lệ nuôi sống của đàn gà Ri lai

Tuần tuổi	Số lượng gà đầu kỳ (con)	Số lượng gà chết (con)	Tỷ lệ nuôi sống trong tuần (%)
Sơ sinh	1200	0	100
1	1193	7	99,41
2	1178	15	98,72
3	1176	2	99,83
4	1174	2	99,83
5	1162	12	98,96
6	1159	3	99,74
7	1155	4	99,65
8	1144	11	99,03
9	1138	6	99,47

Tuần tuổi	Số lượng gà đầu kỳ (con)	Số lượng gà chết (con)	Tỷ lệ nuôi sống trong tuần (%)
10	1135	3	99,73
11	1134	1	99,91
12	1132	2	99,82
13	1132	0	100,00
14	1130	2	99,82
15	1129	1	99,91

Qua thực tế chăn nuôi cho thấy tỷ lệ chết ở gà thấp cao nhất là 1,28%. Tỷ lệ nuôi sống của các đàn gà thí nghiệm giai đoạn 10 - 15 tuần tuổi cao hơn so với giai đoạn 0 - 9 tuần tuổi. Sự chênh lệch này là do ở giai đoạn đầu, gà chưa hoàn thiện các bộ phận và chức năng của cơ thể, chịu sự tác động lớn bởi môi trường bên ngoài. Giai đoạn 10 - 15 tuần tuổi, tuy ăn hạn chế nhưng cơ thể gà đã phát triển đầy đủ các bộ phận, đặc biệt lông vũ đã thay thế cho lông tơ nên ít bị ảnh hưởng hơn bởi các yếu tố môi

trường bên ngoài, do đó tỷ lệ nuôi sống cao hơn so với giai đoạn trước.

3.2.2. Khả năng sinh trưởng của gà

Sinh trưởng tích lũy hay khả năng tăng khối lượng của cơ thể qua các tuần tuổi là một chỉ tiêu vô cùng quan trọng được các nhà chọn giống quan tâm. Trong chăn nuôi gia cầm hướng thịt thì đây là chỉ tiêu để xác định năng suất thịt của đàn gà, đồng thời cũng là biểu hiện khả năng sử dụng thức ăn của đàn gà qua các thời kỳ sinh trưởng của chúng.

Bảng 3. 4. Sinh trưởng tích lũy của gà qua các tuần tuổi (gr)

Tuần tuổi	Gà Ri lai	
	$X \pm m_x$	CV(%)
Sơ sinh	33,03 ± 0,40	8,10
1	94,57 ± 2,60	15,00
2	132,77 ± 3,00	12,40
3	223,87 ± 6,10	15,00
4	312 ± 14,00	24,60
5	386,67 ± 13,80	19,60
6	463,33 ± 12,20	14,40
7	561,33 ± 15,00	14,60
8	746,67 ± 20,00	14,70
9	927 ± 28,70	17,00
10	1059,67 ± 52,20	27,00
11	1229,33 ± 38,40	17,10
12	1364,33 ± 43,40	17,40
13	1468,67 ± 46,60	17,40
14	1636,33 ± 55,10	18,40
15	1807,67 ± 63,10	19,10

Bảng 3.4 cho thấy, khối lượng cơ thể gà tăng dần theo tuần tuổi, phù hợp với quy luật sinh trưởng và phát triển chung của gia cầm. Tuy nhiên khả năng sinh trưởng là không đều nhau ở mỗi giai đoạn. Khối lượng cơ thể gà Ri Lai lúc sơ sinh là 33,03g/con; lúc 3 tuần tuổi là 223,87g/con, ở tuần tuổi thứ 15 gà có khối lượng 1807,62g/con. Kết quả trong nghiên cứu này cũng tương đương với các tác giả Hồ Xuân Tùng (2008) [4], khối lượng cơ thể

lúc 1 ngày tuổi trên các tổ hợp gà lai F1 (Ri x Lương Phượng) là 36,6 gam, lúc 3 tuần tuổi là 227,77 g, ở tuần tuổi thứ 15 gà có khối lượng 1897,12g/con. Hệ số biến dị dao động từ 8,10 - 27%, số đi biên độ dao động lớn là gà được nuôi chung trống mái mà con trống có khả năng sinh trưởng nhanh hơn con mái.

3.2.3. Sinh trưởng tuyệt đối và tương đối của gà Ri lai

Bảng 3.5. Sinh trưởng tuyệt đối, tương đối của gà Ri Lai

Tuần tuổi	Sinh trưởng tuyệt đối (g/con/ngày)	Sinh trưởng tương đối (%)
0 - 1	8,7	85,71
1 - 2	5,4	46,62
2 - 3	13	51,09
3 - 4	12,5	32,89
4 - 5	10,6	21,37
5 - 6	10,9	18,04
6 - 7	14,00	19,13
7 - 8	26,4	30,92
8 - 9	25,7	20,00
9 - 10	18,9	21,24
10 - 11	24,2	13,63
11 - 12	19,2	9,66
12 - 13	14,9	7,51
13 - 14	23,9	7,19
14 - 15	24,4	6,36
Trung bình	16,90	26,09

Qua bảng 3.5 cho thấy sinh trưởng tuyệt đối của gà ở tăng dần theo tuần tuổi và đạt giá trị cao nhất vào lúc 7 tuần tuổi sau đó giảm dần. Giá trị tăng khối lượng tuyệt đối đạt cao nhất là 26,40 (g/con/ngày). Kết thúc 15 tuần tuổi sinh trưởng tuyệt đối là 24,40 (g/con/ngày). Trung bình cả giai đoạn là 16,90 (g/con/ngày).

Qua kết quả sinh trưởng tương đối ở bảng 3.5 cũng cho thấy tốc độ sinh trưởng tương của gà tuân theo quy luật sinh trưởng của gia cầm. Sinh trưởng tương đối của ở tuần 1 là cao nhất đạt 85,71% giảm dần còn 6,36% ở tuần tuổi thứ 15.

3.2.4. Khả năng thu nhận và chuyển hóa thức ăn của đàn gà Ri Lai

Bảng 3.6. Khả năng thu nhận và chuyển hóa thức ăn của gà Ri Lai

Tuần tuổi	Thu nhận thức ăn (g/con/ngày)	Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng trong tuần (kg)	Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cộng dồn (kg)
0 - 1	9,50	1,34	1,34
1 - 2	12,50	1,74	1,54
2 - 3	25,60	1,97	1,75
3 - 4	31,50	2,50	1,98
4 - 5	35,80	3,36	2,27
5 - 6	40,20	3,67	2,52
6 - 7	52,60	3,76	2,75
7 - 8	72,60	2,47	2,67
8 - 9	72,20	2,97	2,73
9 - 10	80,50	2,53	2,69
10 - 11	85,50	3,53	2,80
11 - 12	85,50	4,43	2,95
12 - 13	95,20	5,83	3,17
13 - 14	100,20	5,96	3,36
14 - 15	100,50	6,32	3,55

Số liệu bảng 3.6 cho thấy khả năng thu nhận thức ăn của gà tăng dần qua các tuần tuổi, phù hợp với khối lượng gà tại từng thời điểm. Ở tuần thứ nhất khả năng thu nhận thức ăn của gà là 9,5 (g/con/ngày) tăng lên 100,50 (g/con/ngày) ở tuần tuổi thứ 15.

Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng của gà cũng tăng dần qua các tuần tuổi. Chi phí thức ăn/kg tăng khối lượng trong tuần thấp nhất ở tuần đầu với giá trị 1,34 kg, tăng lên 6,32 kg ở tuần tuổi thứ 15. Điều này hoàn toàn phù hợp với khối lượng gà ở từng thời điểm cụ thể.

Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cộng dồn của gà cũng tăng dần qua các tuần tuổi. Kết thúc

tuần thứ 15 chi phí thức ăn/kg tăng khối lượng của gà là 3,55 kg.

Từ số liệu trên cho thấy khi nuôi gà Ri lai thương phẩm nên xuất bán sớm khi khối lượng, chất lượng được thị trường chấp nhận, càng xuất bán sớm sẽ càng đưa lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi.

3.3. Kết quả điều trị bệnh trên gà

3.3.1. Tình hình mắc bệnh trên đàn gà thịt

Trong quá trình chăm sóc nuôi, dưỡng tại trại. Khi theo dõi đàn gà phát hiện những con có những biểu triệu chứng của bệnh sẽ tiến hành nhặt ra một ô riêng để chẩn đoán và điều trị.

Bảng 3.7. Một số bệnh thường gặp ở gà Ri lai

Tên bệnh	Tổng số gà theo dõi (con)	Số gà có triệu chứng bệnh (con)	Tỷ lệ (%)
Bệnh tiêu chảy do <i>E.coli</i>	1193	13	1,08
Bệnh CRD	1174	16	1,36
Bệnh Cầu trùng	1155	20	1,73

Qua bảng 3.7 cho thấy tình hình mắc bệnh ở đàn gà của trại tuy đã có công tác phòng bệnh tuy nhiên vẫn có nhiều bệnh xảy ra. Đặc biệt bệnh cầu trùng chiếm tỷ lệ cao nhất là 1,73% do trời mưa nhiều thay đổi thời tiết gà dễ mắc bệnh; tiếp đó là bệnh CRD chiếm 1,36% và cuối cùng đến bệnh tiêu chảy do *E.coli* chiếm 1,08%. Theo Phạm Sỹ Lăng, Tô

Long Thành (2006) [1], bệnh cầu trùng gà là bệnh rất phổ biến và được xem là một trong những bệnh gây tác hại lớn trong chăn nuôi.

3.3.2. Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh cho gà

Khi đàn gà có biểu hiện về bệnh cần tiến hành xử lý kịp thời nhanh chóng tránh tình trạng bùng phát thành dịch gây thiệt hại về kinh tế.

Bảng 3.8. Kết quả điều trị bệnh gà mắc các bệnh

STT	Tên bệnh	Số gà điều trị (con)	Tên thuốc điều trị	Cách dùng	Thời gian điều trị (ngày)	An toàn	
						Số gà chết (con)	Tỷ lệ an toàn (%)
1	Tiêu chảy do <i>E.coli</i>	1193	Vn.coliamox 50%	Cho uống	5	8	99,64
2	Cầu trùng	1155	Coxymax	Cho uống 3 ngày nghỉ 2 ngày, rồi cho uống 2 ngày	5	11	99,73
3	CRD	1174	Doxy+tilmicosin	Trộn vào thức ăn	5	10	99,71

Thực tế cho ta thấy: Tuy nuôi môi trường nuôi khép kín lúc nhỏ và bán chắn thả lúc gà được một tháng tuổi trở lên và được nuôi dưỡng chăm sóc tốt, nhưng vẫn không thể tránh được sự ảnh hưởng của xấu từ điều kiện môi trường.

Trong quá trình điều trị, nhờ chẩn đoán bệnh chính xác và điều trị kịp thời nên kết quả điều trị bệnh trên đàn gà đạt kết quả tốt. Sau 2 đến 3 ngày điều trị, đàn gà có những chuyển biến tích cực. Ăn, uống vận động dần trở lại bình thường. Sau 5 ngày, hầu hết biểu hiện của bệnh trên đàn gà không đáng kể.

Việc phát hiện sớm và sử dụng thuốc có hiệu quả trong điều trị khi gà nhiễm bệnh cho kết quả tốt. Trong chăn nuôi việc phòng và trị bệnh cho đàn gà là rất quan trọng.

4. Kết luận

Tỷ lệ nuôi sống của đàn gà tại trại tỷ lệ nuôi sống qua các tuần tuổi của gà Ri Lai khá cao thấp nhất là 98,96 % cao nhất là 100%. Khả năng sinh trưởng tuyệt đối trung bình cả giai đoạn là 16,90

(g/con/ngày), sinh trưởng tương đối là 26,09 (g/con/ngày). Tình hình gà mắc bệnh ở trại bệnh cầu trùng, bệnh CRD, bệnh tiêu chảy do *E.coli*. Sau 5 ngày được điều trị gà có những biểu hiện tích cực.

REFERENCES

- [1] Lang, P. S., Thanh, T. L. (2006). *Parasitic protozoa in domestic*. Hanoi Agricultural Publishing House, 138 – 142, Vietnam.
- [2] Nam, L. V. (2004). *Treatment guidelines for complex grafting diseases in chickens*. Hanoi Agricultural Publishing House, Vietnam.
- [3] Tung, H. X. (2008). *Research on cross – breeding Luong Phuong Hoa and Ri chickens to select and breed free – range chickens for farming*. Doctoral thesis in agricultural. Viet Nam Academy of Science and Technology, Vietnam
- [4] Van, T T., Hoan, N. D., My, N. T. T. (2015). *Curriculum on poultry farming*. Hanoi Agricultural Publishing House, 234, Vietnam.
- [5] Livestock resources in Viet Nam (2020). Livestock situation in the whole country in December 2019, Vietnam.